

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày 17-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Út.

2. Ông Nguyễn Văn Tráng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/HSST, ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tấn Đ, sinh năm 1998 tại tỉnh Trà Vinh; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp Số 4*, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 2002.

Tiền án: không.

Tiền sự: 03. Vào ngày 04/02/2020 bị Công an xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long ra quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 19/02/2020 bị Công an xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long ra quyết định xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 08/01/2021 bị Công an huyện Càng Long ra quyết định xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay bị cáo chưa chấp hành các quyết định xử phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 18 tháng 11 năm 2020 đến ngày 21 tháng 11 năm 2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980; Có mặt.

2. Bà Phan Thị Bé S, sinh năm 1959. Có mặt.

Cùng cư trú: ấp Số 4*, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Thiên L, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp Số 4*, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Trình Quốc T1, sinh năm 1983. Vắng mặt có lý do.

Nơi cư trú: Số 26*, đường Đ, khóm *8, phường 6*, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Lê Thanh M, sinh năm 1973. Vắng mặt có lý do.

Nơi cư trú: ấp Số 4, xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Người làm chứng:

Chị Phạm Thị Thanh H2, sinh năm 1997. Vắng mặt có lý do.

Nơi cư trú: ấp Số 4, xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm: không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21 tháng 7 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn H1 với mục đích thuê anh H1 chở bị cáo đến thành phố T, tỉnh Trà Vinh mua ma túy về sử dụng. Tại đây bị cáo không gặp anh H1, nhưng gặp Nguyễn Gia H3 là con ruột anh H1 và được H3 cho biết anh H1 không có ở nhà. Lúc này, bị cáo đi ra phía nhà sau thì phát hiện bên hông nhà có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758, trên xe có gắn chìa khóa, bị cáo liền nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758 đem cầm lấy tiền để tiêu xài. Bị cáo quan sát xung quanh không thấy người liền tiếp cận xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758 nhanh chóng dẫn xe ra khỏi nhà anh H1, bị cáo khởi động rồi điều khiển xe đi hướng thị trấn C, sau đó bị cáo tiếp tục điều khiển xe đi thành phố T đến nhà trọ T tọa lạc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh để thuê phòng ở trọ. Tại đây, bị cáo kêu Hồ Thiên L là chủ nhà trọ tìm nơi cầm xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758, bị cáo không nói cho L biết đây là xe mô tô do bị cáo lấy trộm mà có. Hồ Thiên L đồng ý điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758 đến cơ sở cầm đồ T1 của ông Trình Quốc T1, sinh năm 1983, tại địa chỉ số 26*, đường Đ, khóm *8, phường 6*, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cầm được số tiền 2.400.000 đồng. Sau đó L mang tiền cầm xe về đưa hết cho bị cáo, bị cáo dùng số tiền này trả tiền thuê phòng trọ là 700.000 đồng, đưa tiền công cho L đi cầm xe dùm là 300.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo chơi game bắn cá và mua ma túy để sử dụng.

Anh Nguyễn Văn H1 khi phát hiện mất trộm xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758 đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an huyện Càng Long mời bị cáo về làm việc. Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngoài lần thực hiện phạm tội nêu trên, vào ngày 20/7/2020 bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe đạp martin của bà Phan Thị Bé S, sinh năm 1959, nơi cư trú ấp Số 4*, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long yêu cầu định giá tài sản bị mất trộm của anh Nguyễn Văn H1. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 83/KL-ĐGTS ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng-nâu, số máy: 5C64-168072, số khung: 9Y-168059, tài sản đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 7.500.000 đồng.

Ngày 01/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long yêu cầu định giá tài sản bị mất trộm của Phan Thị Bé S. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 107/KL-ĐGTS ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe đạp Martin có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là: 200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 10/CT-VKS-HS, ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là: “Vào ngày 21/7/2020 bị cáo đi đến nhà anh H1 nhưng anh H1 không có nhà, bị cáo phát hiện phía bên hông nhà anh H1 có dựng một chiếc xe mô tô, trên xe có gắn chìa khóa, bị cáo lấy trộm, sau đó đem xuống Trà Vinh nhờ anh Hồ Thiên L đi cầm được số tiền 2.400.000 đồng, tiền cầm xe có được bị cáo sử dụng hết cho bản thân. Trước đó, bị cáo còn lấy trộm chiếc xe đạp hiệu Martin của bà S ở gần nhà bị cáo, sau đó bị cáo đem đi bán cho một người không biết tên, địa chỉ được 70.000 đồng, số tiền này bị cáo tiêu xài hết”.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 18/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản, nay các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét. Đối với số tiền cầm xe 2.400.000 đồng đã khắc phục cho anh Trình Quốc T1 xong, nay anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Ngoài ra, vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, lợi dụng sự quản lý tài sản sơ hở của các bị hại, bị cáo lấy trộm tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chơi game bắn cá nên đã lao vào con đường phạm tội. Trước đó bị cáo từng có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo biết việc lấy trộm tài sản của người khác một cách trái phép là vi phạm pháp luật, đáng lẽ ra bị cáo phải biết sửa chữa lỗi lầm, làm một công dân tốt, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng bị cáo không làm được việc này mà tiếp tục vi phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, hành vi của bị cáo là thể hiện bị cáo xem thường pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Nhằm góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt hình sự bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ là cần thiết, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú về hành vi phạm tội; có người thân có công với cách mạng được phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng và các ông là liệt sĩ; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ (test ma túy ngày 25/7/2020), Công an huyện Càng Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với anh Hồ Thiên L không biết tài sản (xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758) đem cầm là do bị cáo lấy trộm mà có, nên không vi phạm pháp luật.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng nhận từ bị cáo Đ, anh Hồ Thiên L đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra, nay anh Lâm không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Đối với anh Trình Quốc T1 khi nhận cầm xe mô tô biển kiểm soát 54N4-0758 của bị cáo Đ, anh T1 không biết tài sản trộm mà có, bị cáo Đ cũng không nói cho anh T1 biết, xe do bị cáo Đ lấy trộm mà có nên không cấu thành tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản, nay các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét. Đối với số tiền cầm xe 2.400.000 đồng đã khắc phục cho anh Trình Quốc T1 xong, nay anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho người bị hại xong, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với tiền Việt Nam 1.000.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 18/11/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản, nay các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét. Đối với số tiền cầm xe 2.400.000 đồng đã khắc phục cho anh Trình Quốc T1 xong, nay anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[3] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

**Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:*

Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tấn Đ có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

Án xét xử công khai cáo cho bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung